



BẢN TIN THUẾ Số 2214 (Từ 09/06- 14/06/2014)

NỘI DUNG
VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ
VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Trang
1
2



VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ

Công văn số 1966/TCT-HTQT Ngày 28/05/2014	Thông báo hiệu lực của Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Niu Di-lân.
Công văn số 2002/TCT-CS Ngày 30/05/2014	Hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN.
Công văn số 2013/TCT-CS Ngày 02/06/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 2015/TCT-CS Ngày 02/06/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 2029/TCT-CS Ngày 02/06/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 2031/TCT-CS Ngày 02/06/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 2041/TCT-DNL Ngày 03/06/2014	Chính sách thuế đối với tài sản đảm bảo là bất động sản khi chuyển nhượng, kê khai, nộp thuế.
Công văn số 2044/TCT-CS Ngày 03/06/2014	Giải đáp vướng mắc hoàn tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng.
Công văn số 2045/TCT-CS Ngày 03/06/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế GTGT.
Công văn số 2062/TCT-CS Ngày 04/06/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 2071/TCT-CS Ngày 04/06/2014	Hướng dẫn về hóa đơn của doanh nghiệp bị thiệt hại.
Công văn số 2085/TCT-HTQT Ngày 05/06/2014	Hướng dẫn về hóa đơn áp dụng Hiệp định thuế giữa Việt Nam - Thái Lan.
Công văn số 2089/TCT-TNCN Ngày 05/06/2014	Chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động bảo lãnh tín dụng.
Công văn số 2126/TCT-KK Ngày 09/06/2014	Kê khai, nộp thuế, luân chuyển chứng từ nộp thuế đối với cơ sở sản xuất phụ thuộc ở địa phương khác nơi cơ sở kinh doanh đóng trụ sở chính.
Công văn số 7512/BTC-TCT Ngày 06/06/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 7527/BTC-TCT Ngày 06/06/2014	Hướng dẫn về xác định hộ gia đình, cá nhân gặp điều kiện khó khăn, không thanh toán được số tiền thuế nợ, đã ngừng kinh doanh.



VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Chính sách thuế đối với tài sản đảm bảo là bất động sản khi chuyển nhượng, kê khai, nộp thuế.

**Công văn số 2041/TCT-DNL
Ngày 03/06/2014**

Hướng dẫn về hóa đơn của doanh nghiệp bị thiệt hại.

**Công văn số 2071/TCT-CS
Ngày 04/06/2014**

1. Về việc lập hóa đơn

Nếu hết thời gian trả nợ mà người có tài sản bảo đảm không có khả năng trả nợ và phải bàn giao tài sản cho tổ chức tín dụng; Tổ chức tín dụng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ hoặc thực hiện hạch toán tăng giá trị tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh thì người có tài sản đảm bảo thực hiện thủ tục bàn giao tài sản và không phải xuất hóa đơn GTGT.

2. Về kê khai, khấu trừ thuế GTGT

Trường hợp tổ chức tín dụng khi nhận tài sản, bất động sản là tài sản đảm bảo tiền vay để xử lý các khoản nợ vay, khi hạch toán sử dụng làm TSCĐ hoặc bán, chuyển nhượng thu tiền thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

3. Xác định giá vốn của bất động sản

- Trường hợp nhận lại chính tài sản bảo đảm:

Giá vốn của bất động sản là tài sản đảm bảo tiền vay là giá thỏa thuận giữa hai bên và được xác định tại thời điểm chuyển giao bất động sản cho tổ chức tín dụng.

Đối với bất động sản của cá nhân thì thực hiện theo Khoản 5 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

- Trường hợp tổ chức tín dụng bán, chuyển nhượng bất động sản là tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì giá vốn của bất động sản là giá theo thỏa thuận giữa hai bên.

Trong quá trình làm việc với các Cục thuế nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp bị thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của một số người biểu tình phản đối Trung Quốc vừa qua, Tổng cục Thuế nhận được đề nghị của các Cục Thuế về việc bán hóa đơn cho các doanh nghiệp bị thiệt hại. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Điều 11, Điều 12 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ,

Đối với các doanh nghiệp bị thiệt hại đang sử dụng hóa đơn tự in hoặc đặt in mà không còn hóa đơn để sử dụng, nếu chưa tổ chức tự in hoặc đặt in hóa đơn và có nhu cầu về hóa đơn thì được hỗ trợ một trong các biện pháp sau:

- Mua hóa đơn của cơ quan thuế. Cục Thuế có trách nhiệm thực hiện bán hóa đơn cho các doanh nghiệp đủ để sử dụng trong 2 tháng (tháng 6, tháng 7 năm 2014).

- Sử dụng phần mềm tự in hóa đơn của Tổng cục Thuế. Cục thuế lập danh sách các doanh nghiệp bị thiệt hại có nhu cầu sử dụng hóa đơn tự in gửi Cục Công nghệ thông tin - Tổng cục Thuế để được cấp sử dụng miễn phí phần mềm tự in hóa đơn của Tổng cục Thuế.



Chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động bảo lãnh tín dụng.

**Công văn số 2089/TCT-TNCN
Ngày 05/06/2014**

Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế, luân chuyển chứng từ nộp thuế đối với cơ sở sản xuất phụ thuộc ở địa phương khác nơi cơ sở kinh doanh đóng trụ sở chính.

Căn cứ các quy định và hướng dẫn hiện hành, trường hợp cá nhân có thu nhập từ hoạt động bảo lãnh tín dụng tại ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn vay cho doanh nghiệp thì thu nhập nêu trên kê khai, nộp thuế như sau:

- Nếu cá nhân nước ngoài là thương nhân thì được xác định là cá nhân kinh doanh, thu nhập từ bảo lãnh tín dụng chịu thuế theo quy định đối với nhà thầu gồm thuế GTGT và thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh. Đối với thuế TNCN, cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế (nếu là cá nhân cư trú) hoặc công ty khấu trừ theo thuế suất 5% (nếu là cá nhân không cư trú).

- Nếu cá nhân nước ngoài không phải là thương nhân thì không được xác định là cá nhân kinh doanh, thu nhập từ bảo lãnh tín dụng là hoạt động cung cấp dịch vụ chịu thuế TNCN đối với thu nhập tiền lương, tiền công. Công ty khấu trừ thuế TNCN thuế suất 10% (nếu là cá nhân cư trú) hoặc thuế suất 20% (nếu là cá nhân không cư trú).

Cá nhân nước ngoài là thương nhân phải có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc các giấy tờ chứng minh là thương nhân được pháp luật nước ngoài công nhận. Các giấy tờ, tài liệu nước ngoài khi sử dụng ở Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.

1. Về quản lý nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh:

- Cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính có trách nhiệm:

+ Theo dõi, đôn đốc cơ sở tại trụ sở chính thực hiện kê khai, nộp thuế bao gồm nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính và nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc tại địa bàn tỉnh/thành phố khác nơi đóng trụ sở chính.

+ Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính thuế về các hành vi liên quan đến nộp hồ sơ khai thuế; tính tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt và thực hiện các biện pháp quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế đối với toàn bộ số thuế nợ

- Cơ quan thuế nơi cơ sở sản xuất trực thuộc của cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động có trách nhiệm:

+ Căn cứ số thuế phải nộp tại phụ lục của hồ sơ khai thuế do cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính gửi đến, theo dõi việc nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước (NSNN) đối với nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc trên địa bàn.

+ Thực hiện luân chuyển chứng từ nộp thuế nộp cho nghĩa vụ thuế của các cơ sở sản xuất trực thuộc về cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính theo hướng dẫn tại Công văn số 3110/TCT-KK ngày 30/8/2012 của Tổng cục Thuế.

2. Về việc hạch toán nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính và cơ sở sản xuất trực thuộc tại địa bàn tỉnh/thành phố khác nơi



Công văn số 2126/TCT-KK
Ngày 09/06/2014

đóng trụ sở chính.

- Cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính thực hiện hạch toán toàn bộ số thuế phát sinh phải nộp, số thuế đã nộp của cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính và cơ sở sản xuất trực thuộc tại địa bàn tỉnh/thành phố khác nơi đóng trụ sở chính theo mã số thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính vào Sổ theo dõi tình hình thu nộp trên hệ thống ứng dụng Quản lý thuế của ngành.

- Cơ quan thuế nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc hoạt động không hạch toán theo dõi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế trên Sổ theo dõi tình hình thu nộp mà sử dụng chức năng "Nhập chứng từ vãng lai" trên hệ thống ứng dụng Quản lý thuế của ngành để nhập và tổng hợp chứng từ nộp thuế nộp cho nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc lên Báo cáo thu nội địa trên địa bàn. Mã số thuế của người nộp thuế trên chứng từ nộp thuế nộp cho nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc tại địa bàn tỉnh/thành phố khác nơi đóng trụ sở chính là mã số thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính.

3. Trường hợp cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế không đúng quy định dẫn tới đã nộp nhầm theo mã số thuế 13 số của đơn vị sản xuất phụ thuộc đối với số thuế phải nộp theo phân bổ cho các đơn vị sản xuất trực thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị sản xuất trực thuộc và đơn vị sản xuất trực thuộc thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế ban hành kèm theo Quyết định số 1864/QĐ-TCT ngày 21/12/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.